

Số: 01/2016/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2016

TỜ TRÌNH
Về việc Sửa đổi Điều lệ
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VPP HỒNG HÀ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và tình hình thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà ("Công ty"), Hội đồng quản trị ("HĐQT") đã rà soát, xem xét điều chỉnh, bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ Công ty. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Công ty như nêu dưới đây.

1. Sửa đổi và bổ sung Điều 1:

- Sửa thông tin về Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Sửa định nghĩa về "Người quản lý doanh nghiệp" để phù hợp với quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- Bổ sung định nghĩa về "Tổng giám đốc", "Ban tổng giám đốc" để phù hợp với thực tế cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Sửa điểm g khoản 1 về nội dung dẫn chiếu tới điều khoản của Luật Doanh nghiệp 2014.
- Sửa điểm h khoản 1: vì Công ty quy định thời hạn hoạt động tính từ ngày thành lập và là vô thời hạn nên không có trường hợp gia hạn.

2. Sửa đổi và bổ sung Điều 2:

- Sửa tên viết tắt tại khoản 1 để Phù hợp với tên viết tắt tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Sửa thông tin về địa chỉ trụ sở tại khoản 3: Vì Công ty chỉ có 01 địa chỉ trụ sở đăng ký và ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Sửa thông tin tại khoản 5 vì thông tin trụ sở là một nội dung tại Điều lệ, thẩm quyền sửa Điều lệ thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- Bổ sung địa chỉ chi nhánh tại khoản 6 vì Điều 25 Luật Doanh nghiệp quy định Điều lệ phải ghi thông tin Chi nhánh (nếu có).
- Sửa khoản 7, xoá bỏ nội dung "gia hạn hoạt động" vì Điều lệ của Công ty CP VPP Hồng Hà không ghi thời hạn hoạt động cụ thể nên không quy định về việc gia hạn.

3. Sửa đổi Điều 3: Ghi nhận thông tin ngành nghề đăng ký kinh doanh tại khoản 1 Điều 3 để đúng với ngành nghề đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.
4. Sửa đổi Điều 4: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 (vì hiện nay mẫu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi thông tin về ngành nghề kinh doanh; Thông tin ngành nghề sẽ ghi nhận tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh).
5. Sửa đổi điều 6: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 7;
6. Sửa đổi điều 7: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 8;
7. Sửa đổi điều 8: Để cụ thể nội dung và phạm vi quy định đối với tổ chức Đảng, đoàn thể trong công ty.
8. Sửa đổi tên chương IV: Vì hiện tại VPP Hồng Hà không còn cổ đông sáng lập;
9. Sửa đổi điều 9, khoản 6: Vì hiện tại VPP Hồng Hà không còn cổ đông sáng lập.
10. Sửa đổi điều 9, khoản 10: Vì hiện tại tại VPP Hồng Hà không còn cổ đông đại diện cho phần vốn nhà nước.
11. Sửa đổi điều 12: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 126.
12. Sửa đổi điều 15, khoản 1: Sửa lỗi văn bản;
13. Sửa đổi điều 15, khoản 2 điểm h: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm g khoản 1 Điều 114.
14. Sửa đổi điều 15, khoản 3: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 114 khoản 2, 3.
15. Sửa đổi điều 16: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 115;
16. Sửa đổi điều 17, khoản 3, điểm c, e: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điểm b khoản 3 Điều 136.
17. Sửa đổi điều 17, khoản 4 điểm b, c: Dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
18. Sửa đổi điều 18, khoản 1: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 2 Điều 136.
19. Sửa đổi điều 18, khoản 2 điểm c: Phù hợp với thực tế hoạt động của công ty và thẩm quyền của ĐHĐCĐ (điểm k khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp).
20. Sửa đổi điều 18, khoản 2 điểm k: Sửa lỗi văn bản.
21. Sửa đổi điều 18 khoản 2 điểm o: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm d khoản 2 Điều 135.
22. Sửa đổi điều 18, khoản 2 điểm q: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp (hiện tại Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà không có vốn Nhà nước).
23. Sửa đổi điều 18, khoản 2 điểm r: sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014 và ghi lại đề mục.
24. Sửa đổi điều 19, khoản 1: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm b khoản 2 Điều 140.
25. Bổ sung Điều 20, khoản 4: Nhằm làm rõ quy định về trình tự tổ chức họp trong trường hợp này.

26. Sửa đổi điều 21, khoản 2: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 7 điều 136; khoản 2 điều 137.
27. Sửa đổi điều 21, khoản 3: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 139.
28. Sửa đổi điều 21, khoản 5, điểm d: Vì điều lệ không quy định thêm nên bỏ khoản này.
29. Xoá bỏ điều 21, khoản 6: Vì nội dung khoản này đã quy định tại điểm c khoản 3 điều 31 Điều lệ.
30. Xoá bỏ điều 21, khoản 7: Chuyển sang khoản 5 Điều 24 Điều lệ.
31. Sửa đổi điều 22, khoản 1, 2: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 1, 2 Điều 141.
32. Sửa đổi điều 23: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 142 và thực tế công ty.
33. Sửa đổi điều 24: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 144.
34. Sửa đổi điều 25: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 145.
35. Sửa đổi điều 26: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 146.
36. Sửa đổi điều 27: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 147.
37. Sửa đổi điều 28, khoản 1: Sửa đổi quy định về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
38. Sửa đổi điều 28, khoản 2: Sửa đổi tỷ lệ để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ.
39. Sửa đổi điều 28, khoản 5: Sửa đổi quy định về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT thay thế để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014
40. **Bổ sung điều 28, khoản 7 điểm d: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm c, khoản 1, Điều 151.**
41. **Xoá bỏ điều 28, khoản 8: Vì tiêu chuẩn này đã thể hiện trong điểm b khoản 7 Điều 28 Điều lệ.**
42. Sửa đổi điều 29, khoản 3: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 2 Điều 149.
43. Sửa đổi điều 29, khoản 4 điểm c: Sửa điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
44. Bổ sung điều 29, khoản 4 điểm n: Để phù hợp với quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
45. Sửa đổi điều 30, khoản 1: Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và thực tế điều hành, quản lý công ty.
46. Sửa đổi điều 30, khoản 2: Sửa điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
47. Sửa đổi điều 31, khoản 1: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 1 Điều 153.
48. Sửa đổi điều 31, khoản 4: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 5 Điều 153.

49. Sửa đổi điều 31, khoản 8: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 8 điều 153.
50. Sửa đổi điều 31, khoản 9, điểm d: Sửa điều khoản dẫn chiếu.
51. Sửa đổi điều 31, khoản 14: Sửa điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
52. Sửa đổi điều 34, khoản 1: Do hiện nay công ty không phải là công ty đại chúng niêm yết.
53. Sửa đổi điều 34, khoản 2, điểm a: Theo thực tế điều hành công ty và Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 2 Điều 157.
54. Sửa đổi điều 34, khoản 3 điểm e: Theo thực tế điều hành công ty.
55. Sửa đổi điều 35, khoản 2: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 5 Điều 152.
56. Sửa đổi điều 36: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 163, 164.
57. Sửa đổi điều 37: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 165.
58. Sửa đổi tiêu đề chương X: Để phù hợp với nội dung của Chương X.
59. Sửa đổi điều 41, khoản 1: Sửa điều khoản dẫn chiếu.
60. Sửa đổi điều 43, khoản 2,3,4,5,6: Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 132.
61. Sửa đổi điều 44: Sửa đổi theo thực tế của công ty.
62. Sửa đổi điều 50, khoản 1: Sửa đổi và tách làm 2 khoản để phù hợp với thực tế của công ty.
63. Sửa đổi điều 51, khoản 1, 2: Sửa đổi theo quy định tại Điều 12 Nghị định 196/2015/NĐ-CP.
64. Xoá bỏ điều 52, khoản 1: Vì Công ty không quy định về thời hạn hoạt động.
65. Xoá bỏ điều 53: Vì Pháp luật hiện hành không quy định Toà án có thẩm quyền giải quyết khiếu nại để yêu cầu giải thể công ty.
66. Xoá bỏ điều 54: Vì Công ty không quy định về thời hạn hoạt động.
67. Sửa đổi điều 56: Vì hiện tại không bắt buộc Công ty phải nộp điều lệ tới phòng công chứng hoặc đăng ký tại cơ quan chính quyền nên có thể giới hạn số lượng bản điều lệ.
68. Sửa đổi điều 56 khoản 4: Bổ sung thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật trong việc ký xác nhận tại các bản sao hoặc trích lục Điều lệ.
69. Một số sửa đổi khác:
 - Thay cụm từ: "Tổng giám đốc điều hành" bằng cụm từ "Tổng giám đốc": Để đúng với chức danh đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - Ghi lại số Điều trong Điều lệ: do xoá bỏ một số Điều tại Điều lệ.
 - Thống nhất cách ghi các mục về số để thuận tiện cho việc tra cứu nội dung Điều lệ.
70. Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty rà soát, thực hiện.

71. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình này.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Thành viên HĐQT & BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trương Quang Luyện

PHỤ LỤC
Chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà
(Kèm theo Tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 10 tháng 01 năm 2016)

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1 (khoản 1, điểm b, g, h)	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>60/2005/QH11</u> được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)có hiệu lực từ 01/07/2015) đã thay thế Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11.
			Bổ sung: e. <u>Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.</u>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 18 Điều 4.
			Bổ sung: h. "Tổng giám đốc" có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành.	Bổ sung định nghĩa
			Bổ sung: i. "Ban Tổng giám đốc" gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc.	Bổ sung định nghĩa
		g. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <u>Khoản 4 Điều 17</u> của Luật Doanh nghiệp.	l. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <u>khoản 17 Điều 4</u> của Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
		h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2.7 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua bằng Nghị quyết.	m. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2.7 của Điều lệ này.	Công ty quy định thời hạn hoạt động tính từ ngày thành lập và là vô thời hạn nên không có trường hợp gia hạn.
2.	Điều 2 (khoản 1, 3, 5, 6, 7)	1. Tên công ty Tên viết tắt: <u>HONG HA SJC</u>	1. Tên công ty Tên viết tắt: <u>HONG HA JSC</u>	Để phù hợp với tên viết tắt đã đăng ký, ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
		3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ:	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: <u>25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam</u>	Công ty chỉ có 01 địa chỉ trụ sở đăng ký và ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

		<p>* Địa điểm 1: 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam</p> <p>* Địa điểm 2: 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam</p>		
		<p>5. Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của <u>Hội đồng quản trị</u> và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>5. Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của <u>Đại hội đồng cổ đông</u> và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Do thông tin trụ sở là một nội dung tại Điều lệ, thẩm quyền sửa Điều lệ thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p>
		<p>6. Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.</p>	<p>6. Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.</p> <p><u>Thông tin về Chi nhánh công ty:</u></p> <p><u>a. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẠM HỒNG HÀ (TP. HÀ NỘI)</u></p> <p><u>Địa chỉ chi nhánh: 47 Độc lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam</u></p> <p><u>Mã số chi nhánh: 0100100216-004</u></p> <p><u>b. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẠM HỒNG HÀ TẠI ĐÀ NẴNG</u></p> <p><u>Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng</u></p> <p><u>Mã số chi nhánh: 0100100216-010</u></p>	<p>Điều 25 Luật Doanh nghiệp quy định Điều lệ phải ghi thông tin Chi nhánh (nếu có).</p>

		7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 <u>hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57</u> của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Điều lệ của Công ty CP VPP Hồng Hà không ghi thời hạn hoạt động cụ thể nên không quy định về việc gia hạn.
3.	Điều 3 (khoản 1)	Chưa mã hoá ngành nghề kinh doanh	Mã hoá lại các ngành nghề kinh doanh.	Phù hợp với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký.
4.	Điều 4 (Khoản 1)	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Hiện nay, theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2015, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi ngành nghề kinh doanh. Do đó phải sửa lại khoản này để phù hợp với quy định mới.
5.	Điều 6	Công ty có các quyền sau: <u>1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;</u> <u>2. Chủ động lựa chọn loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, địa bàn hoạt động, liên doanh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh;</u> <u>3. Chủ động tìm kiếm thị trường, tìm kiếm và ký kết hợp đồng với khách hàng;</u> <u>4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;</u> <u>5. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh;</u> <u>6. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng</u>	Công ty có các quyền sau: <u>1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.</u> <u>2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.</u> <u>3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.</u> <u>4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.</u> <u>5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.</u> <u>6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.</u> <u>7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.</u> <u>8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.</u>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 7

		<p>cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh;</p> <p><u>7. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tư nguyên đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;</u></p> <p><u>8. Các quyền khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.</u></p>	<p><u>9. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.</u></p> <p><u>11. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>12. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.</u></p>	
6.	Điều 7.	<p>Công ty có các nghĩa vụ sau:</p> <p><u>1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký;</u></p> <p><u>2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác;</u></p> <p><u>3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>4. Kê khai và định kỳ báo cáo tài chính chính xác, đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh, với cổ đông; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời đính chính lại các thông tin đó;</u></p> <p><u>5. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn;</u></p> <p><u>6. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội;</u></p> <p><u>7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	<p>Công ty có các nghĩa vụ sau:</p> <p><u>1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.</u></p> <p><u>2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.</u></p> <p><u>3. Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.</u></p> <p><u>6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 8.</p>

			<p><u>7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.</u></p> <p><u>8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh.</u></p> <p><u>9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.</u></p>	
7.	Điều 8	<p>Điều 8. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty</p> <p>1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>2. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của các tổ chức đó nhưng không trái với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và Pháp luật.</p>	<p><u>Điều 8. Tổ chức Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp</u></p> <p><u>1. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong công ty hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ tổ chức.</u></p> <p><u>2. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp, kết nạp những người làm việc tại doanh nghiệp vào các tổ chức này.</u></p> <p><u>3. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, đoàn thể làm việc tại doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo Điều lệ và nội quy của tổ chức.</u></p>	Sửa đổi để cụ thể nội dung và phạm vi quy định đối với tổ chức Đảng, đoàn thể trong công ty.
8.	Tên chương IV.	CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, <u>CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP</u>	CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.	Vì hiện tại Công ty không còn cổ đồng sáng lập

9.	Điều 9 (Khoản 6)	Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu trong Phụ lục kèm theo Điều lệ này.	Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần. xoá bỏ khoản 6.	Hiện tại VPP Hồng Hà không còn cổ đông sáng lập nên sửa đổi lại tên Điều 9 và xoá bỏ khoản 6.
10.	Điều 9 (khoản 10)	10. Cổ đông sáng lập là cổ đông đại diện cho phần vốn Nhà nước tại Công ty.	Xóa bỏ	Hiện tại tại VPP Hồng Hà không còn cổ đông đại diện cho phần vốn nhà nước.
11.	Điều 12	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần ghi danh chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p> <p>Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh có thể được thực hiện bằng hình thức: (i) chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường; hoặc (ii) hình thức trao tay; hoặc (iii) theo bất kỳ cách thức nào khác theo quy định của Pháp luật. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là chủ sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>3. Người nhận chuyển nhượng cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Công ty khi đã đăng ký vào Sổ Đăng ký cổ đông.</p>	<p><u>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p> <p><u>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</u></p> <p><u>3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.</u></p> <p><u>4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</u></p> <p><u>5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.</u></p> <p><u>6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</u></p> <p><u>7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông. Các thông tin gồm: Họ, tên, địa chỉ thường trú.</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 126.

		<p>4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế để thực hiện các quy định tại Điều này.</p> <p>5. Thừa kế cổ phần:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người thừa kế duy nhất theo luật định; - Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật. <p>b. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.</p> <p>6. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.</p> <p>7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p>	<p><u>quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức</u></p>	
12.	Điều 15 (Khoản 1)	<p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn <u>đ</u>ó góp vào Công ty.</p>	<p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn <u>đ</u>ã góp vào Công ty.</p>	Sửa lỗi văn bản.

13.	Điều 15 (điểm h khoản 2)	h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ phần góp vốn vào công ty</u> sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>tỷ lệ sở hữu cổ phần công ty</u> sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm g khoản 1 Điều 114
14.	Điều 15 (khoản 3)	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>trên 10% tổng số cổ phần phổ thông</u> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 28.2, 39.5 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:</u></p> <p>a) <u>Xem xét và trích lục các biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</u></p> <p>b) <u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;</u></p> <p>c) <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></p> <p><u>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a) <u>Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</u></p> <p>b) <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</u></p> <p><u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân,</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 114 khoản 2, 3.

			<p><u>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</u></p>	
15.	Điều 16	<p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn:</p> <p>a. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.</p> <p>Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn;</p>	<p><u>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u></p> <p><u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u></p> <p><u>2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.</u></p> <p><u>3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 115.

		<p>b. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân; - Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành. <p>c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại Điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p> <p>d. Quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người có liên quan sở hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>		
16.	Điều 17. (khoản 3 điểm c, e)	<p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 119</u> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160</u> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014:</p> <p>(c): Điểm b khoản 3 Điều 136</p> <p>(e): Dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

17.	Điều 17. (khoản 4 điểm b,c)	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nêu trên trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Điều 97.5</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này, trong trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Điều 97.6</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nêu trên trong trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>khoản 5 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này, trong trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>khoản 6 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	Dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
18.	Điều 18 (khoản 1)	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được quyền thảo luận và thông qua:</p> <p><u>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</u></p> <p><u>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</u></p> <p><u>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></p> <p><u>đ. Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</u></p> <p><u>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 2 Điều 136
19.	Điều 18 (khoản 2 điểm c)	c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát;</u>	Phù hợp với thực tế hoạt động của công ty và thẩm quyền của ĐHĐCĐ (điểm k khoản 2 Điều 135)
20.	Điều 18. (khoản 2 điểm k)	k. Chia, tách, hợp nhất, <u>sáp</u> nhập hoặc chuyển đổi Công ty;	k. Chia, tách, hợp nhất <u>-sáp</u> nhập hoặc chuyển đổi Công ty;	Sửa lỗi chính tả

21.	Điều 18. (khoản 2 điểm o)	o. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ <u>50% trở lên</u> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	o. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ <u>35% trở lên</u> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm d khoản 2 Điều 135.
22.	Điều 18. (khoản 2 điểm q)	q. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Xoá bỏ	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp (hiện tại Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà không có vốn Nhà nước).
23.	Điều 18. (khoản 2 điểm r)	r. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Điều 120.1</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	q. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>khoản 1 Điều 162</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014 và ghi lại đề mục.
24.	Điều 19. (khoản 1)	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền <u>bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> . Trường hợp <u>cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp</u> thì uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm b khoản 2 Điều 140
25.	Điều 20 (khoản 4)	Chưa có	<u>4. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và 24 Điều lệ này.</u>	Khoản 4 (bổ sung mới): Nhằm làm rõ quy định về trình tự tổ chức họp trong trường hợp này.
26.	Điều 21 (khoản 2)	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: <u>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014:: Khoản 7 điều 136; khoản 2 điều 137

		<p>theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p><u>được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u></p> <p><u>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu</u></p> <p><u>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.</u></p> <p><u>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.</u></p> <p><u>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.</u></p> <p><u>đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></p> <p><u>e. Xác định thời gian và địa điểm họp.</u></p> <p><u>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.</u></p> <p><u>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</u></p>	
--	--	---	--	--

27.	Điều 21 (khoản 3)	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	<p><u>3. Quy định về việc gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p><u>a. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></p> <p><u>b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p> <p><u>c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u></p> <p><u>+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</u></p> <p><u>+ Phiếu biểu quyết;</u></p> <p><u>+ Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</u></p> <p><u>d. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c nêu trên có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu</u></p>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 139.
28.	Điều 21. (khoản 5 điểm d)	d. Các trường hợp khác.	Xoá bỏ	Nếu điều lệ không có quy định thêm nên bỏ nội dung này.
29.	Điều 21 (khoản 6)	6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Xoá bỏ	Vi điểm c khoản 3 Điều 31 (sửa đổi) đã quy định hồ sơ mời họp gửi cho cổ đông phải kèm theo: dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
30.	Điều 21 (khoản 7)	7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được	Xoá bỏ	Chuyển sang khoản 5 Điều 24.

		coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.		
31.	Điều 22. (khoản 1, 2)	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>65%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <u>33%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 1, 2 Điều 141.
32.	Điều 23	<p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do</p>	<p><u>Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:</u></p> <p><u>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) thẻ biểu quyết và một (01) phiếu biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi Tên cổ đông hoặc người đại diện; Số đăng ký sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết và Mã số dự họp. Trên phiếu biểu quyết có ghi Tên cổ đông hoặc người đại diện; Số đăng ký sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết; Mã số dự họp và các nội dung cần biểu quyết với các phương án: Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.</u></p> <p><u>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành theo hai (02) cách dưới đây:</u></p>	Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 142 và thực tế công ty.

		<p>Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.</p> <p>5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu dự họp cần thiết, nếu nhận thấy rằng:</p> <p>a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;</p>	<p><u>a. Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết:</u></p> <p>- <u>Việc biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, được thực hiện dưới sự điều hành của Chủ toạ, theo thứ tự: Tán thành, Không tán thành, không có ý kiến.</u></p> <p>- <u>Hình thức này được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ <u>Thông qua Đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm thẻ/phiếu;</u> ✓ <u>Thông qua Thẻ lê biểu quyết;</u> ✓ <u>Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội;</u> ✓ <u>Thông qua Chương trình Đại hội;</u> ✓ <u>Thông qua Quy định ứng cử, đề cử;</u> ✓ <u>Thông qua Quy chế bầu cử;</u> ✓ <u>Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;</u> ✓ <u>Các nội dung khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> <p><u>b. Biểu quyết bằng hình thức ghi phiếu biểu quyết:</u></p> <p><u>Biểu quyết bằng hình thức ghi phiếu biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>- <u>Cách thức ghi Phiếu biểu quyết: Với mỗi nội dung ghi trên Phiếu biểu quyết, cổ đông ghi ký hiệu "X" và ô tương ứng với ý kiến của mình: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.</u></p> <p><u>3. Ban kiểm thẻ/phiếu sẽ tổng hợp kết quả biểu quyết từng nội dung theo: Số cổ phần biểu quyết "Tán thành"; Số cổ phần biểu quyết "Không tán thành". Số cổ phần biểu quyết "Không có ý kiến".</u></p> <p><u>4. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại</u></p>	
--	--	---	--	--

		<p>b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;</p> <p>c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</p> <p>7. Chủ tọa hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p><u>hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.</u></p> <p><u>5. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm kê/phiếu biểu quyết lập Biên bản, có ký xác nhận của các thành viên và trình Chủ tọa Đại hội.</u></p> <p><u>Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo trước khi thông qua nghị quyết Đại hội. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.</u></p> <p><u>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký;</u></p> <p><u>7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:</u></p> <p><u>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</u></p> <p><u>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</u></p> <p><u>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</u></p>	
--	--	---	---	--

		<p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm, Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p><u>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</u></p> <p><u>Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;</u></p> <p><u>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành</u></p>	
33.	Điều 24	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo</p>	<p><u>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p><u>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</u></p>	<p>Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 144.</p>

		<p>cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với tổng số thành viên được bầu vào Hội đồng hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p><u>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty:</u></p> <p><u>đ. Tổ chức lại, giải thể công ty:</u></p> <p><u>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này:</u></p> <p><u>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.</u></p> <p><u>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành:</u></p>	
--	--	---	--	--

			<p><u>5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p> <p><u>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.</u></p>	
34.	Điều 25	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p><u>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</u></p> <p><u>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</u></p> <p><u>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty;</u></p>	<p>Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 145.</p>

		<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm</p>	<p><u>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b. Mục đích lấy ý kiến;</u></p> <p><u>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p> <p><u>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</u></p> <p><u>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</u></p> <p><u>e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</u></p> <p><u>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</u></p> <p><u>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <p><u>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là</u></p>	
--	--	---	--	--

	<p>soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;</p>	<p><u>tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p><u>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</u></p> <p><u>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</u></p> <p><u>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</u></p> <p><u>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</u></p> <p><u>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</u></p>	
--	---	--	--

		<p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>đ. Các vấn đề đã được thông qua:</u></p> <p><u>e. Ho, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</u></p> <p><u>6. Công ty có thể gửi Biên bản kiểm phiếu trực tiếp đến các cổ đông hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</u></p> <p><u>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</u></p> <p><u>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
35.	Điều 26	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về</p>	<p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 146.</p>

		<p>những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><u>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</u></p> <p><u>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</u></p> <p><u>đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</u></p> <p><u>e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p><u>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p><u>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p><u>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</u></p> <p><u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></p> <p><u>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</u></p> <p><u>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</u></p>	
36.	Điều 27 (khoản 1,2)		Bổ sung khoản 1, 2:	Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 147.

			<p>1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
37.	Điều 28. (khoản 1)	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Sửa đổi quy định về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014:</p>

38.	Điều 28 (Khoản 2)	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.</u>	Sửa đổi tỷ lệ để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ.
39.	Điều 28. (khoản 5)	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</u> Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bị thay thế đó.</u> Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	Sửa đổi quy định về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT thay thế để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.
40.	Điều 28. (khoản 7 điểm d)		Bổ sung: <u>d. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</u>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: điểm c, khoản 1, Điều 151
41.	Điều 28. (khoản 8)	8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	Xoá bỏ	Vi tiêu chuẩn này đã thể hiện trong điểm b khoản 7 Điều 28 Điều lệ.

<p>42. Điều 29. (khoản 3)</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p><u>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</u></p> <p><u>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</u></p> <p><u>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</u></p> <p><u>đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</u></p> <p><u>e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u></p> <p><u>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p><u>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p><u>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</u></p> <p><u>k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</u></p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p><u>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</u></p> <p><u>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p><u>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p><u>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</u></p> <p><u>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm o khoản 2 Điều 18 Điều lệ, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;</u></p> <p><u>l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi</u></p>	<p>Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 2 Điều 149.</p>
---	--	---	--

		<p><u>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</u></p>	<p><u>nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u></p> <p><u>n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>o. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p><u>p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</u></p> <p><u>r. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	
43.	Điều 29. (khoản 4 điểm c).	c. Trong phạm vi quy định tại <u>Điều 108.2</u> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>Điều 120.3</u> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm	c. Trong phạm vi quy định tại <u>khoản 2 Điều 149</u> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 162</u> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
44.	Điều 29. (khoản 4 điểm n).		<p>Bổ sung:</p> <p>n. Việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.</p>	Đề phù hợp với quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
45.	Điều 30 (khoản 1)	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng</u>	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng để bầu ra một Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông công ty có quy định khác.</u>	Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và thực tế điều hành, quản lý doanh nghiệp.

		<p><u>giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường (nếu cần thiết).</u></p> <p>Hội đồng quản trị có thể lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng để bầu ra một Phó Chủ tịch.</p>	Hội đồng quản trị có thể lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng để bầu ra một Phó Chủ tịch.	
46.	Điều 30 (khoản 2)	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại <u>điều lệ này và Luật Doanh nghiệp</u>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại <u>khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp</u>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
47.	Điều 31. (khoản 1)	<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u></p>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 1 Điều 153.
48.	Điều 31. (khoản 4)	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn <u>mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp</u>. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở</p>	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn <u>07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất họp</u>. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp</p>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Khoản 5 Điều 153.

		khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng.	được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng.	
49.	Điều 31. (khoản 8)	8. Các cuộc họp của Hội đồng lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (được ủy quyền).	8. Các cuộc họp của Hội đồng lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (được ủy quyền). <u>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u>	Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 8 điều 153
50.	Điều 31. (khoản 9, điểm d)	d. Thành viên Hội đồng hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>Điều 37.4a và 37.4b</u> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	d. Thành viên Hội đồng hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>điểm a và b khoản 4 Điều 39</u> của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Sửa điều khoản dẫn chiếu.
51.	Điều 31. (khoản 14)	Nội dung biên bản phải thực hiện theo điều <u>113</u> -Luật Doanh nghiệp.	Nội dung biên bản phải thực hiện theo điều <u>154</u> Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi điều khoản dẫn chiếu theo Luật Doanh nghiệp 2014.
52.	Điều 34. (khoản 1)	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác có liên quan. <u>Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác có liên quan.	Do công ty không phải là công ty đại chúng niêm yết.
53.	Điều 34. (khoản 2, điểm a)	2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <u>điều hành là ba (03)</u> năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực, căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc <u>điều hành</u> không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này. Và phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là <u>05 (năm)</u> năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực, căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này. Và phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:	Theo thực tế điều hành công ty và Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 2 Điều 157

		<p>a. <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này tức là những người vì thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, cán bộ công chức nhà nước hoặc người đó bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản</u></p>	<p>a. <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.</u></p>	
54.	Điều 34 (khoản 3, điểm e)	<p>e. Trong vòng <u>mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p>	<p>e. Trong vòng <u>bốn mươi lăm (45) ngày</u> kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p>	Theo thực tế điều hành công ty.
55.	Điều 35 (khoản 2)	<p><u>2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u></p> <p>a. <u>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng hoặc Ban kiểm soát</u></p> <p>b. <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p>c. <u>Tham dự và ghi biên bản các cuộc họp;</u></p> <p>d. <u>Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp</u></p> <p>e. <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng và Ban kiểm soát.</u></p>	<p><u>2. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty:</u></p> <p>a. <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u></p> <p>b. <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u></p> <p>c. <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</u></p> <p>d. <u>Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</u></p> <p>đ. <u>Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p>	Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 5 Điều 152.
56.	Điều 36	<p>1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, trong đó có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải</p>	<p>1. <u>Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó có ít nhất 01 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u></p> <p>2. <u>Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc</u></p>	Đề phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 163, 164.

	<p>là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật sản xuất và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.</p> <p>b. Có sức khoẻ tốt, có đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật.</p> <p>3. Ban kiểm soát bầu Trưởng ban trong số các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán.</p> <p>4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát ;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký Báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>6. Trường hợp các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần</p>	<p><u>kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u></p> <p><u>3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</u></p> <p><u>4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</u></p> <p>a. <u>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>b. <u>Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật sản xuất và nghiệp vụ kinh doanh của công ty;</u></p> <p>c. <u>Có sức khoẻ tốt, có đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật;</u></p> <p>d. <u>Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</u></p> <p>đ. <u>Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.</u></p> <p>e. <u>Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</u></p> <p><u>5. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:</u></p> <p>a. <u>Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát ;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u></p> <p>c. <u>Lập và ký Báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>6 Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến</u></p>	
--	--	---	--

		<p>thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử</p> <p>7. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>8. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đó phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa số ứng viên.</u></p> <p><u>7. Trường hợp các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử</u></p> <p><u>8. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 4 Điều này;</u></p> <p><u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></p> <p><u>8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u></p> <p><u>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>9. Hàng năm, các kiểm soát viên được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các kiểm soát viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.</u></p>	
57.	Điều 37	1. Công ty phải có Ban kiểm soát. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy	<u>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</u>	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 165

	<p>định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>g. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Công ty;</p> <p>h. Xem xét Báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>i. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản</p>	<p><u>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</u></p> <p><u>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</u></p> <p><u>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.</u></p> <p><u>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</u></p> <p><u>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p><u>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p><u>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p> <p><u>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</u></p>	
--	---	---	--

		<p>trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p><u>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</u></p> <p><u>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
58.	Tiêu đề chương X.	<p>CHƯƠNG X</p> <p>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</p>	<p>CHƯƠNG X</p> <p>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>BAN KIỂM SOÁT</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ <u>KHÁC</u></p>	Đề phù hợp với nội dung của Chương X.
59.	Điều 41. (khoản 1)	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <u>Điều 28.2</u> và <u>Điều 39.5</u> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <u>khoản 3 Điều 15</u> của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	Sửa điều khoản dẫn chiếu.

<p>60. Điều 43 (khoản 2,3,4,5,6)</p>	<p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p><u>2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:</u></p> <p><u>a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</u></p> <p><u>3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.</u></p> <p><u>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:</u></p> <p><u>a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;</u></p> <p><u>b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;</u></p> <p><u>c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</u></p> <p><u>d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;</u></p> <p><u>đ. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;</u></p>	<p>Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 132</p>
--	--	---	---

			<p><u>e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.</u></p> <p><u>5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.</u></p> <p><u>6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</u></p>	
61.	Điều 44	<p>Theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Công ty trích lập các quỹ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;</u> - <u>Quỹ khuyến khích phát triển kinh doanh;</u> - <u>Quỹ dự phòng tài chính;</u> - <u>Quỹ khen thưởng;</u> - <u>Quỹ phúc lợi.</u> 	<p>Theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Công ty trích lập các quỹ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <u>a. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu;</u> <u>b. Quỹ đầu tư phát triển;</u> <u>c. Quỹ khen thưởng;</u> <u>d. Quỹ phúc lợi.</u> 	Sửa đổi theo thực tế của công ty
62.	Điều 50 (khoản 1)	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	<p><u>1. Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</u></p> <p><u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u></p>	Sửa đổi và tách làm 2 khoản để phù hợp với thực tế của công ty.

63.	Điều 51 (khoản 1, 2)	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định <u>thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua <u>số lượng, hình thức, nội dung, mẫu con dấu và quy định về quản lý, sử dụng con dấu của Công ty.</u> Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>2. <u>Việc sử dụng con Dấu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan phải tuân thủ đúng quy định về quản lý và sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p>	Sửa đổi theo quy định tại Điều 12 Nghị định 196/2015/NĐ-CP.
64.	Điều 52. (khoản 1)	a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;	Xoá bỏ	Vi Công ty không quy định về thời hạn hoạt động.
65.	Điều 53	<p>Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng, có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng hoạt động;</p> <p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng;</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>	Xoá bỏ	Pháp luật hiện hành không quy định Toà án có thẩm quyền giải quyết khiếu nại để yêu cầu giải thể công ty.
66.	Điều 54	<p>Điều 54. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu</p>	Xoá bỏ	Vi Công ty không quy định về thời hạn hoạt động.

		<p>quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		
67.	Điều 56 (khoản 1, 2, 4)	<p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương <u>59 điều</u>, được sửa đổi trên cơ sở Điều lệ của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> của Công ty, tổ chức vào <u>ngày 25 tháng 04 năm 2014</u> tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước địa phương. - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. - 04 bản lưu trữ tại Văn phòng công ty. 	<p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương, <u>56 điều</u>, được sửa đổi trên cơ sở Điều lệ của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty, tổ chức vào ngày tháng năm tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành <u>02 bản</u>, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở công ty.</p>	Hiện tại không bắt buộc Công ty phải nộp điều lệ tới phòng công chứng hoặc đăng ký tại cơ quan chính quyền nên có thể giới hạn số lượng bản điều lệ.
68.	Điều 56 (khoản 4)	<p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng mới có giá trị.</p>	<p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của <u>Người đại diện theo pháp luật hoặc</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng mới có giá trị.</p>	Bổ sung thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật trong việc ký xác nhận tại các bản sao hoặc trích lục Điều lệ.
69.	Một số sửa đổi khác	Thay cụm từ: "Tổng giám đốc điều hành" bằng cụm từ "Tổng giám đốc"		Đề đúng với chức danh đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
		Ghi lại số Điều trong Điều lệ		Do xoá bỏ một số Điều tại Điều lệ

		Thông nhất cách ghi các mục về số	Cách thức ghi: chữ, số. Ví dụ: - Điều lệ hiện tại: <u>07</u> ngày làm việc. - Điều lệ sửa đổi: " bảy (07) " ngày làm việc"
--	--	-----------------------------------	---